

Bản án số: 162/2022/DS-ST
Ngày: 09-9-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Công Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Tuấn Trường; ông Hoàng Duy Hùng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2022, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Địa chỉ: số 266 - 268 N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn G – Giám đốc ngân hàng chi nhánh Tiền Giang; Theo quyết định ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021.

Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Minh T – Trưởng phòng giao dịch Gò Công. Theo giấy ủy quyền ngày 13/4/2022. (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* 1/ Anh Trần Minh P, sinh năm 1987; (vắng mặt)

2/ Chị Võ Thanh T, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải phía nguyên đơn trình bày: anh Trần Minh P và chị Võ Thanh T có ký hợp đồng tín dụng số LD2019100658 ngày 09/7/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD2019100658/TT1 ngày 27/4/2021 với Ngân hàng thương mại cổ phần S tại Phòng giao dịch Gò Công, mục đích vay tiêu dùng, số tiền vay là

30.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất ban đầu theo hợp đồng 24%/năm (áp dụng lần giải ngân đầu tiên), thay đổi 03 tháng/lần. Quá trình thực hiện hợp đồng anh P, chị T chỉ mới thanh toán đến kỳ ngày 09/8/2021, với tổng số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng và nợ lãi là 5.445.375 đồng. Sau đó, anh P, chị T có trả thêm được số tiền gốc là 1.500.000 đồng rồi ngưng không trả nợ nữa, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, nhưng anh P, chị T vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 05/8/2022, anh P và chị T còn nợ ngân hàng: nợ gốc là 13.500.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 1.924.454 đồng, lãi quá hạn là 2.816.239 đồng và lãi chậm trả là 131.776 đồng. Tổng cộng là 18.372.469 đồng.

Do đó Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu anh Trần Minh P và chị Võ Thanh T trả cho ngân hàng tổng số tiền gồm vốn và lãi tính đến ngày 05/8/2022 là 18.372.469 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/8/2022 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Anh Trần Minh P và chị Võ Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Ngân hàng thương mại cổ phần S, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú ấp X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận.

Căn cứ chứng minh là hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD2019100658 ngày 09/7/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD2019100658/TT1 ngày 27/4/2021, ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và chị Võ Thanh T, anh Trần Minh P.

Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và các điều 90, 91, 94, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, nên hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD2019100658 ngày 09/7/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD2019100658/TT1 ngày 27/4/2021 có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2.2] Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vay tài sản và quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày xét xử anh P và chị T chỉ mới thanh toán được số tiền nợ gốc là 16.500.000 đồng và tiền lãi là 5.445.375 đồng. Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến phản hồi nên xem như từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc anh P và chị T không thực hiện tiếp việc trả nợ dù đã được Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu, là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn cần buộc anh P và chị T trả số tiền nợ gốc còn lại là 13.500.000 đồng.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: căn cứ hợp đồng vay tài sản số cho vay kèm giấy nhận nợ số LD2019100658 ngày 09/7/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD2019100658/TT1 ngày 27/4/2021, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ, số tiền lãi tính đến ngày 09/9/2022 là 5.439.184 đồng là phù hợp với mức lãi suất tại Điều 2 của hợp đồng vay tài sản và quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/ 01/2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên được chấp nhận.

[2.3] Về thời gian và phương thức trả nợ: do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và vắng mặt không thể hiện ý kiến. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

- Anh Trần Minh P và Chị Võ Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 942.459 đồng.

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

- Các điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/ 01/2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc anh Trần Minh P và chị Võ Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền gồm: nợ gốc là 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng và nợ lãi tính đến ngày 09/9/2022 là 5.439.184 (năm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm tám mươi bốn) đồng. Tổng cộng là 18.849.184 (mười tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn một trăm tám mươi bốn) đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ 10/9/2022 anh Trần Minh P và chị Võ Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay tài sản, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 455.611 (bốn trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm mười một) đồng, theo biên lai số 0006781 ngày 10/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

- Anh Trần Minh P và Chị Võ Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 942.459 (chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Triều